Lab_SQLite_01

1. MỤC TIÊU:

- Tao database
- Tao table

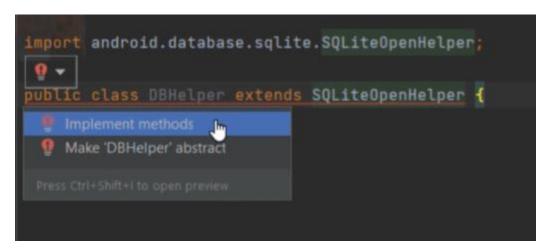
2. THỰC HIỆN

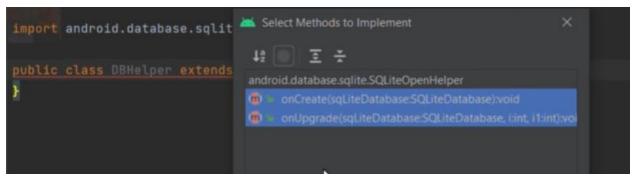
BUÓC 1: TAO mới project đặt tên: SQLite

BUÓC 2: TẠO Package mới: Đặt tên là sqlite (đây là package chứa các file sqlite)

BUÓC 3: TAO class trong package sqlite. Đặt tên: DBHelper

BƯỚC 4: Mở class DBHelper và extends class SQLiteOpenHelper để kế thường các phương thức của lớp này. Sau đó Implemet methods các phương thức của lớp SQLiteOpenHelper.





```
import android.database.sqlite.SQLiteOpenHelper;

public class DBHelper extends SQLiteOpenHelper {
    @Override
    public void onCreate(SQLiteDatabase sqLiteDatabase) {

    @Override
    public void onUpgrade(SQLiteDatabase sqLiteDatabase, int i, int i1) {
    }
}
```

BUÓC 5: TẠO các trường thông tin: DB NAME đặt tên Demo6 và DB_VERSION = 1

```
import android.database.sqlite.SQLiteDatabase;
import android.database.sqlite.SQLiteOpenHelper;

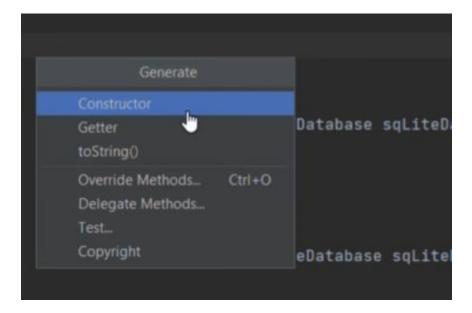
public class DBHelper extends SQLiteOpenHelper {
    public static final String DB_NAME = "Demo6";
    public static final int DB_VERSION = 1;

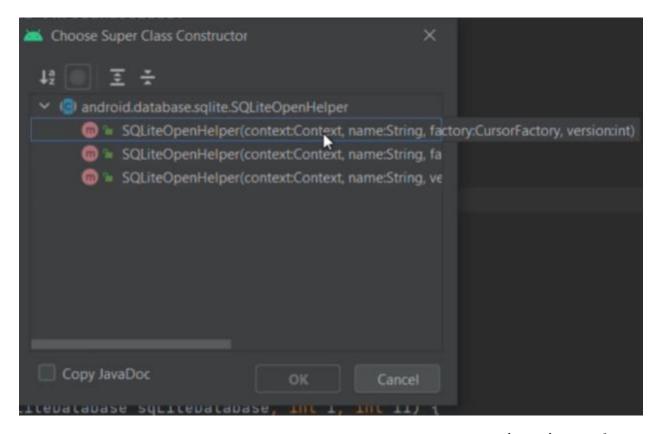
    @Override
    public void onCreate(SQLiteDatabase sqLiteDatabase) {
    }

    @Override
    public void onUpgrade(SQLiteDatabase sqLiteDatabase, int i, int i1) {
    }
}
```

BƯỚC 6: TẠO HÀM KHỞI TẠO (constructor) của lass DHHelper

Phải chuột chọn Generate -> Constructor ->





Sau khi sinh ra constructor DHHelper thì bỏ bớt các thông tin không cần thiết, chỉ để lại: context, DB_NAME, factory, DB_VERSION

```
public DBHelper(Context context) {
    super(context, DB_NAME, factory: null, DB_VERSION);
}
```

BUÓC 7: TẠO table nhanvien tại hàm onCreate

BƯỚC 8: Tại hàm on Upgrade thực hiện việc xóa bảng nhanvien nếu đã tồn tại dựa vào

```
DB_VERSION = 1;
```

```
@Override
public void onUpgrade(SQLiteDatabase sqLiteDatabase, int i, int i1) {
    String sql = " DROP TABLE IF EXISTS nhanvien";
    sqLiteDatabase.execSQL(sql);
    onCreate(sqLiteDatabase);
}
```

BƯỚC 9: GỌI class DBHelper để tạo ra cơ sở dữ liệu tại MainActivity.java

```
public class MainActivity extends AppCompatActivity {
    @Override
    protected void onCreate(Bundle savedInstanceState) {
        super.onCreate(savedInstanceState);
        setContentView(R.layout.activity_main);

    DBHelper dbHelper = new DBHelper(context this);
}
```

BƯỚC 10: để thấy được cấu trúc dữ liệu được tạo ra trong android ta thực hiện gọi phương thức getReadableDatabase() để mở database trên hệ thống và close để đóng lại.

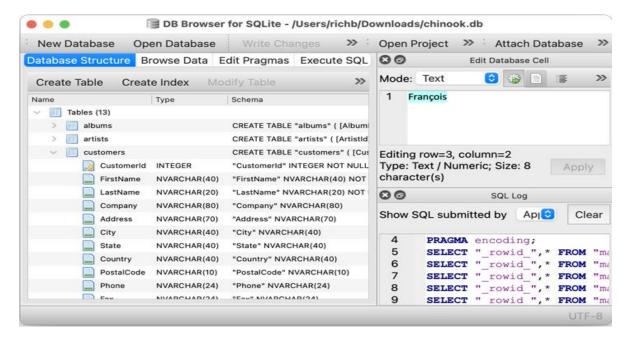
```
public class MainActivity extends AppCompatActivity {
    @Override
    protected void onCreate(Bundle savedInstanceState) {
        super.onCreate(savedInstanceState);
        setContentView(R.layout.activity_main);

        DBHelper dbHelper = new DBHelper( context this);
        SQLiteDatabase database = dbHelper.getReadableDatabase();
        database.close();
}
```

SAU ĐÓ RUN CHẠY ỨNG DỤNG ĐỂ CẬP NHẬT

TIÉP THEO: ta mở Device Explorer của Android, tìm đến thư mục data và tìm đến thư mục của project, phải chuột chọn Synchronize để đồng bộ. Sau đó sẽ tìm thấy file Demo6.sqlite

BƯỚC 11. ĐỂ XEM CẦU TRÚC DỮ LIỆU TRONG DATABASE ta thực hiện save as file Demo6.sqlite về. Rồi tải chương trình đọc file sqlite: DB Browser for SQLite



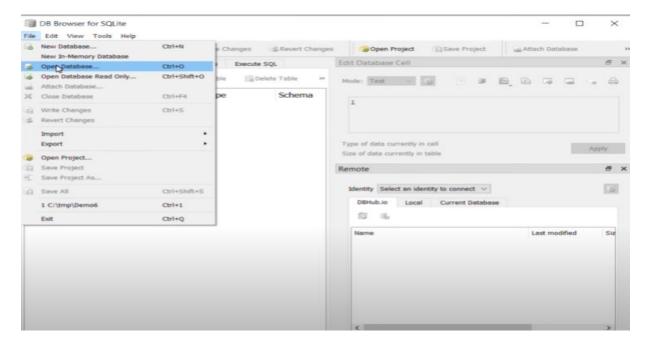
Windows

Our latest release (3.12.2) for Windows:

- DB Browser for SQLite Standard installer for 32-bit Windows
- DB Browser for SQLite .zip (no installer) for 32-bit Windows
- DB Browser for SQLite Standard installer for 64-bit Windows
- DB Browser for SQLite .zip (no installer) for 64-bit Windows

Free code signing provided by SignPath.io, certificate by SignPath Foundation.

BUÓC 12: Mổ file sqlite dựa vào chương trình DB Browser for SQLite



Chọn đến file Demo6.sqlite

